

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/DS-ST.

Ngày: 14/7/2022.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Loan T, sinh năm: 1997

Địa chỉ: ấp A, xã M, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà T có mặt, bà M vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Loan T trình bày:

Do quen biết nên bà Nguyễn Thị Hồng C có cho bà Huỳnh Thị Ngọc M vay tiền trong nhiều cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 19/5/2018 âm lịch (nhằm ngày 02/7/2018 dương lịch), bà C cho bà M vay số tiền 15.000.000đồng. Bà M có viết Biên nhận cho Cầm. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay từ 02/7/2018 đến 02/7/2019, lãi suất 2%/tháng. Bà M đóng lãi cho bà C đến ngày 02/9/2018 số tiền 600.000đồng thì ngưng không đóng nữa

- Lần 02: Ngày 14/8/2018, bà C cho bà M vay số tiền 10.000.000đồng. Bà M có viết Biên nhận cho bà C. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay từ 14/8/2018 đến 14/8/2019, lãi suất 2%/tháng. Bà M đóng lãi cho bà C đến ngày 14/11/2019 số tiền 600.000đồng thì ngưng không đóng nữa.

Dù bà C đã nhiều lần liên hệ nhưng bà M vẫn không trả tiền cho bà C.

Tại Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16/12/2021, bà C yêu cầu bà M trả số tiền nợ gốc là 25.000.000đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên với lãi suất 20%/năm kể từ ngày 01/12/2019 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà M trả cho bà C số tiền nợ gốc 25.000.000đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên kể từ ngày 08/12/2021 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm. Bà C chỉ yêu cầu một mình bà M chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập bà Huỳnh Thị Ngọc M tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Huỳnh Thị Ngọc M không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của bà Huỳnh Thị Ngọc M cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Hồng C khởi kiện bà Huỳnh Thị Ngọc M yêu cầu trả số tiền 25.000.000đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên. Xét quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Hồng C với bà Huỳnh Thị Ngọc M là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc M hiện đang cư trú tại xã PH, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc M đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Thị Ngọc M.

[2] Về nội dung: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc M yêu cầu trả số tiền 25.000.000đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên kể từ ngày 08/12/2021 đến khi xét xử sơ thẩm. Chứng cứ chứng minh

cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận ngày 19/5/2018 âm lịch và bản chính Biên nhận ngày 14/8/2018 .

[2.1] Đối với yêu cầu trả số nợ gốc 25.000.000đồng: xét thấy, trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã nhiều lần mời bà M đến hòa giải nhưng bà M vẫn cố tình vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Bà M cũng không có ý kiến phản đối hay cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác cho Tòa án. Căn cứ bản chính Biên nhận ngày 19/5/2018 âm lịch và bản chính Biên nhận ngày 14/8/2018 do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định ngày 14/8/2018 âm lịch (nhằm ngày 02/7/2018 dương lịch) bà M đã vay của bà C số tiền 15.000.000đồng và ngày 14/8/2018 bà M đã vay của bà C số tiền 10.000.000đồng. Do bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận nên bà C khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền 25.000.000đồng là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi số tiền 25.000.000đồng kể từ ngày 08/12/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm. Xét thấy, căn cứ theo bản chính Biên nhận ngày 19/5/2018 âm lịch và bản chính Biên nhận ngày 14/8/2018 do bà C cung cấp, bà C cho bà M vay không xác định kỳ hạn, không thỏa thuận lãi suất. Căn cứ theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một khoảng thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Việc bà C sao gửi Đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo cho bà M khi khởi kiện là đã báo cho bà M việc bà C đòi lại tài sản nhưng bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do bà M không thực nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà C yêu cầu tính lãi số tiền 25.000.000đồng kể từ khi khởi kiện vào ngày 08/12/2021 đến khi xét xử là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi bà M phải trả cho bà C được tính cụ thể như sau: $25.000.000đ \times 10\%/năm \times 7 \text{ tháng } 6 \text{ ngày} = 1.494.000đ$ đồng

Như vậy, số tiền mà bà M phải trả cho bà C = 25.000.000đồng + 1.494.000đồng = 26.494.000đồng.

Ghi nhận việc bà M chỉ yêu cầu một mình bà C trả số tiền trên

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà M phải chịu án phí là 1.324.700đồng theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C: Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng C số tiền 26.494.000 (Hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn) đồng gồm tiền vốn gốc là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 1.494.000 (Một triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

Ghi nhận việc bà C chỉ yêu cầu một mình bà M chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Huỳnh Thị Ngọc M phải chịu là 1.324.700 (Một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 876.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002706 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương